

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 10-01-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Anh Kiệt**

Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt
2. Ông Lê Giáo
3. Ông Phạm Văn Hề

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được sự phân công của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 410/2019/HSST ngày 29/07/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử 6031/2019/HSST-QĐ ngày 16/12/2019 và Thông báo dời phiên tòa số 113/TB-THS ngày 03/01/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Anh T** - Giới tính: Nam; Sinh ngày 31 tháng 7 năm 1967, tại: TP. Hồ Chí Minh; Nơi ĐKKHKT: Số 28B/9 Dương Bá T, Phường 2, Quận X, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số nhà 61, đường số 10, ấp 5, xã Phong Phú, huyện B, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Luật sư; Con ông: Nguyễn Hải Đ và bà: Lương Thị N; có vợ và 02 người con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/01/2013 đến ngày 29/9/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đã bỏ trốn tại địa phương, việc truy nã chưa có kết quả (vắng mặt tại phiên tòa)

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Bà **Lê Thị T1** . Địa chỉ: 09/8 ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: 47/66 Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Ông Trần Ngọc T

Địa chỉ: Thôn Kim Thạch, xã Nghĩa Hòa, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

3/ Phạm Thị Ngọc T2

Địa chỉ: 47/66 Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người làm chứng:

1/ Bà Trần Nguyễn Kim T3

Địa chỉ: 585/12 KP1 Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Ông Trần Chí S .

Địa chỉ: 129/10/2 Lạc Long Quân, Phường 01, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị Tuyết O

Địa chỉ: 09/8 ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4/ Bà Võ Thị M

Địa chỉ: 47/66 Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa:

Luật sư **Lương Tấn Anh T** – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa chỉ định cho bị cáo Lương Anh T (có mặt).

“NỘI DUNG VỤ ÁN”:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/11/2010, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ra quyết định khởi tố bị can Nguyễn Minh Tuấn (trong vụ án Trương Công Dũng) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngày 24/02/2011 khởi tố bổ sung tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thông qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị H, ngày 01/3/2011, bà Lê Thị T1 (vợ ông Tuấn), ông Trần Ngọc T (con rể ông Tuấn) và bà Nguyễn Thị Tuyết O (con gái ông Tuấn) cùng ký giấy yêu cầu Lương Anh T - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lương Anh Tiến, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh làm luật sư bào chữa cho ông Tuấn. Thời điểm này Văn phòng luật sư Lương Anh T đang tạm ngừng hoạt động nên T không ký hợp đồng dịch vụ bào chữa với gia

đình bà T1 mà chỉ thỏa thuận miệng với chi phí bào chữa là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ngày 19/4/2011, Cơ quan ANĐT Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận bào chữa cho Lương Anh Tiến; tháng 6/2011, gia đình bà T1 đã trả cho T 100.000.000 đồng phí bào chữa theo thỏa thuận.

Trong quá trình làm luật sư bào chữa cho ông Tuấn, do có hiểu biết pháp luật; nắm rõ trình tự, thủ tục tố tụng; quen biết những người trong các cơ quan T hành tố tụng nên T đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật, cả tin của gia đình bà Lê Thị T1 để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. T biết rõ việc Cơ quan ANĐT Bộ Công an khởi tố bị can Nguyễn Minh Tuấn về 02 tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nhưng T vẫn nhiều lần gặp gỡ, nói với gia đình bà T1 là ông Tuấn bị ép cung, bị khởi tố oan tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đồng thời hứa hẹn với gia đình bà T1 sẽ giúp ông Tuấn được tại ngoại, tác động với Cơ quan ANĐT, VKSND để ông Tuấn không bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, sẽ được Tòa án tuyên trắng án hoặc bằng thời hạn tạm giam. T yêu cầu gia đình bà T1 trả công thêm cho T 40.000 USD (Bốn mươi nghìn đôla Mỹ) và 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), nếu không làm được như đã hứa sẽ hoàn trả lại đầy đủ số tiền đã nhận cho gia đình bà T1. Nhằm tạo niềm tin và gây sức ép tâm lý với gia đình bà T1 để gia đình bà T1 đưa tiền, T đã nhiều lần gặp gia đình bà T1 thông báo tình hình của bị can Tuấn, bịa đặt thông tin về việc đã gặp gỡ, “tác động” những người có trách nhiệm giải quyết vụ án trong các cơ quan T hành T hành tố tụng hình sự và hối thúc gia đình bà T1 đưa thêm tiền để T thực hiện việc hứa hẹn nêu trên. Vì tin tưởng, gia đình bà T1 đã đưa tiền cho T 04 lần, tổng cộng 1.810.000.000 đồng (Một tỷ T1 trăm mười triệu đồng)

Cụ thể các lần T nhận tiền của gia đình bà T1 như sau:

Lần 1: Ngày 08/3/2012, bà T1 và ông T cùng ký giấy mượn 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị H có nội dung “để đưa cho luật sư Lương Anh T lo công việc cho chồng tôi (Nguyễn Minh Tuấn)”, trong đó chuyển cho T 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số 45005000031187040019; còn lại bà T1 nhận 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền mặt để chữa bệnh. Cùng ngày, bà H đã nhờ con gái là Phạm Thị Ngọc T2 chuyển khoản số tiền nêu trên cho Lương Anh Tiến.

Quá trình điều tra, giai đoạn ban đầu T thừa nhận số tiền 570.000.000 đồng là tiền gia đình bà T1 mượn bà H chuyển cho T để lo việc cho ông Tuấn, nhưng sau lại phản cung cho rằng đó là số tiền bà H trả Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt cho khoản vay 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) T đã đứng tên vay hộ bà H theo Hợp đồng tín dụng số 004-11 ngày 17/01/2011; sau khi ngân

hàng giải ngân, T đã chuyển hết 1.300.000.000 đồng cho bà H. Tuy nhiên, tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện:

- Khi khám xét tại nhà riêng Lương Anh Tiến, Cơ quan điều tra thu giữ tài liệu là tờ giấy có chữ viết của bà Phạm Thị Tuyết (vợ Tiến) ghi chép việc phân chia số tiền 1.300.000.000 đồng khi vay được. Theo nội dung ghi chép và lời trình bày của bà Tuyết, lời khai của T hồi 9 giờ 15 phút ngày 21/01/2013, khi vay được 1.300.000.000 đồng, T chỉ giao cho bà H 631.000.000 đồng.

- Lời khai bà H thừa nhận có ký giấy tờ để T vay 1.300.000.000 đồng, nhưng không sử dụng hết số tiền đó vì phải đưa lại cho T để chi trả một số khoản như vợ T ghi chép... Hơn nữa, bà H khai báo T còn nợ bà nhiều khoản tiền khác nhiều hơn số tiền T vay hộ nên bà không phải trả cho T số tiền 1.300.000.000 đồng. Hồ sơ vụ án còn thể hiện, T đã được bà H ủy quyền nhận 02 khoản tiền, tổng cộng 3.750.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) từ Công ty TNHH Ngôi sao Lam Sơn - bị hại trong vụ án Trương Công Dũng khi làm chứng trong việc bà H chuyển nhượng tài sản để khắc phục hậu quả cho bị can Nguyễn Minh Tuấn. Sau khi nhận tiền, T không chuyển lại cho bà H theo thỏa thuận mà sử dụng cá nhân; trong nội dung bức tâm thư đề ngày 25/01/2013 gửi bà H, T xin lỗi bà H về việc chưa trả bà H số tiền T đã nhận từ Công ty TNHH Ngôi sao Lam Sơn

- Theo văn bản trả lời của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, đến ngày 08/3/2012, Lương Anh T còn nợ ngân hàng số tiền 801.577.015 đồng (T1 trăm linh một triệu, năm trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng) nên khi nhận được số tiền 569.924.760 đồng (Năm trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng), ngân hàng đã T hành thu nợ lãi trong hạn là 9.888.482 đồng (Chín triệu, T1 trăm T1 mười T1 nghìn, bốn trăm T1 mười hai đồng), phạt chậm trả gốc và lãi (từ ngày 20/01/2012 đến ngày 08/3/2012) là 61.613.293 đồng (Sáu mươi một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng), còn lại 498.422.985 đồng (Bốn trăm chín mươi T1 triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm T1 mười lăm đồng) cần trừ nợ gốc.

Căn cứ lời khai của bà T1, bà H, bà T2, ông T; lời khai nhận tội ban đầu, nội dung tâm thư của bị can gửi bà H; bản sao kê tài khoản, văn bản trả lời của Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt; tài liệu Tòa án thu thập do bà H cung cấp xác định số tiền 570.000.000 đồng T2 chuyển vào tài khoản của T không phải là tiền bà H trả nợ ngân hàng mà là tiền bà T1 mượn của bà H để chuyển cho T theo yêu cầu của Tiến.

Lần 2: Khoảng tháng 3/2012, gia đình bà T1 tiếp tục đưa cho T 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền này bà Võ Thị M (em gái bà H) mang đến căn-tin của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây cũng

là căn-tin Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đưa cho T để đưa cho Tiến, trước sự chứng kiến của bà H và bà M.

Lần 3: Sáng ngày 17/4/2012, bà T1, ông T đến nhà bà H ký giấy mượn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của bà H. Buổi chiều cùng ngày, T tới nhà bà H nhận 1.000.000.000 đồng và nhờ bà H cùng đi giao tiền cho Tiến. Bà H gọi lái xe là ông Trần Chí S chở bà H, ông T, bà Trần Nguyễn Kim T3 (bạn bà H xin đi nhờ xe để về nhà) đến quán cà phê Cát Đằng trên đường Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh. Tại đây, ông T giao 1.000.000.000 đồng cho Tiến, có sự chứng kiến của những người đi cùng trên xe ô tô.

Đối với 02 khoản tiền lần 2, 3 gia đình bà T1 đưa cho Tiến: ban đầu bị can thừa nhận, sau đó lại phản cung nhưng căn cứ vào lời khai của các ông, bà: T, S, T1, H, M, T3, O, T2; kết quả đối chất giữa bị can với bị hại, nhân chứng; giấy mượn tiền, kết quả xác minh địa điểm giao tiền, nội dung tin nhắn của bị can hối thúc gia đình bà T1 đưa tiền, tâm thư của T gửi bà H xin lỗi và thừa nhận đã nhận số tiền 1.810.000.000 đồng của gia đình bà T1 ..., thấy việc phản cung chối tội của Lương Anh T là không có căn cứ.

Lần 4: Trong thời gian diễn ra phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án Trương Công Dũng, T yêu cầu gia đình bà T1 đưa thêm tiền để phục vụ cho việc bào chữa tại phiên tòa. Ngày 20/9/2012, gia đình bà T1 lại mượn 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) của bà H. Trưa ngày 21/9/2012, ông T trực tiếp đưa 40.000.000 đồng cho T tại quán cà phê Cổ Đa, đối diện cổng Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, có sự chứng kiến của bà O, bà T1 và ông Nguyễn Xuân Bốn - anh ruột ông Tuấn.

Khi biết gia đình bị Lương Anh T lừa đảo chiếm đoạt tiền, Trần Ngọc T đã làm đơn tố cáo T đến Cơ quan ANĐT Bộ Công an. Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Bộ Công an đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Viện KSND tối cao đã ban hành Cáo trạng truy tố và Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã xét xử tuyên Lương Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, với mức án 16 năm tù giam.

Do T kháng cáo nên ngày 06/11/2014, Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP. Hồ Chí Minh đã xét xử quyết định hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử lại vụ án, ngày 07/7/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 189/2015/HSST-QĐ trả hồ sơ cho VKSND tối cao để điều tra bổ sung, trong đó đề nghị xem xét việc bị cáo T xin tại ngoại chữa bệnh. Ngày 03/9/2015, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ban hành Quyết định số 118/ANĐT-P6 trưng cầu giám định mức độ tổn hại sức khỏe của bị can Tiến. Đến ngày 29/9/2015, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ban hành Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra

bị can đối với T (lý do: chờ kết luận giám định). Ngày 21/10/2015 và ngày 27/11/2015, Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Tỷ lệ tổn hại sức khỏe do bệnh tật như bản kết luận Pháp y số 36/SK.15 của đương sự Lương Anh T sinh năm 1967 là 91% (Chín mươi một phần trăm)*”. Sau khi sức khỏe của Lương Anh T tạm thời bình phục, ngày 30/11/2018, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, bị can đối với Lương Anh T để điều tra về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại Bản Cáo trạng số 78/CT-VKSTC-V1 ngày 22/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố bị cáo Lương Anh T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Từ đầu năm 2011 đến ngày 20/9/2012, Lương Anh T với danh nghĩa luật sư bào chữa cho ông Nguyễn Minh Tuấn (chồng bà Lê Thị T1); được tiếp xúc hồ sơ, nắm rõ nội dung vụ án; biết rõ trình tự, thủ tục tố tụng; quen biết với những người trong các cơ quan T hành tố tụng đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật, lòng tin của gia đình bà T1 , bằng thủ đoạn đưa ra các thông tin không đúng sự thật là bị can Nguyễn Minh Tuấn bị ép cung, bị khởi tố oan tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; hứa hẹn sẽ tác động với Cơ quan ANĐT, VKSND giúp cho bị can Tuấn được tại ngoại, không bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, được Tòa án tuyên trắng án hoặc bằng thời hạn tạm giam, để 04 lần lừa đảo chiếm đoạt tổng số 1.810.000.000 đồng (Một tỷ T1 trăm mười triệu đồng) của gia đình bà T1 . Với hành vi đó, có đủ căn cứ truy tố bị cáo Lương Anh T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 14 năm tù đến 16 năm tù. Về phần dân sự, đề nghị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận:

Thống nhất với tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo Lương Anh Tiến. Tuy nhiên, về mức hình phạt là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo đang bị bệnh nặng, tỷ lệ tổn hại sức khỏe do bệnh tật là 91%, theo Kết luận pháp y số 36/SK.15 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh để miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Người bị hại trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Lương Anh T trả lại cho tôi số tiền 1.810.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chúng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về tố tụng của vụ án:

Ngày 13/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh T hành xác minh về việc cư trú của bị cáo tại địa chỉ thường trú: Số 28B/9 Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh và Chỗ ở: Số nhà 61, đường số 10, ấp 5, xã Phong Phú, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh được Công an Phường 2, Quận 8 và Công an xã Phong Phú, huyện B xác định: bị cáo Lương Anh T không có mặt tại địa phương, hiện đi đâu không rõ. Ngày 18/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 6230/TATP-THS gửi cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công An để xác minh việc xuất nhập cảnh của bị cáo. Đến ngày 22/11/2019, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an có công văn số 3498/QLXNC-P5 trả lời: Lương Anh T đã đi ra nước ngoài thông qua cửa khẩu Khánh Bình vào ngày 27/7/2019. Ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 6324/TATP-THS yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra – Bộ Công an ra Quyết định truy nã đối với bị cáo Lương Anh Tiến, đồng thời Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ vụ án để chờ kết quả truy nã. Ngày 23/12/2019 Cơ quan An ninh Điều tra – Bộ Công an có công văn số 1590/ANĐT-P6 xác định: Cơ quan An ninh điều tra – Bộ Công an đang áp dụng các biện pháp ngH vụ, tiếp tục xác minh truy bắt, tuy nhiên đến nay, chưa xác định được Lương Anh T đang làm gì, ở đâu nên chưa truy bắt được. Ngày 23/12/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định phục hồi vụ án và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị cáo. Như vậy, căn cứ vào Điều 281, Điều 283; Khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị cáo Lương Anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Về nội dung vụ án: trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người bị hại, người làm chứng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở để xác định: Bị cáo Lương Anh Tiến, nguyên là Luật sư, được gia đình bà Lê Thị T1 thuê bào chữa cho ông Nguyễn Minh Tuấn (Chồng bà Lê Thị T1) trong một vụ án hình sự. Quá trình tham gia vụ án, dù biết rõ hành vi của Nguyễn Minh Tuấn là đặc biệt nghiêm trọng với 02 tội danh bị truy tố là: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 4 Điều

139 và Khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 và sẽ bị xử phạt với khung hình phạt cao, nhưng với ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Lê Thị T1, bị cáo đã có những thủ đoạn gian dối như nhiều lần gặp gỡ gia đình bà T1, giới thiệu mình là luật sư giỏi, hứa lo cho ông Tuấn được tại ngoại, sẽ tác động để Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao trả hồ sơ cho Bộ Công an điều tra theo hướng bỏ bớt một tội danh, chỉ còn lại một tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và còn hứa hẹn bị can Tuấn sẽ được Tòa tuyên trắng án hoặc bằng thời hạn tạm giam nhưng thực chất bị cáo Lương Anh T không làm được những việc như đã hứa.

Do tin tưởng Lương Anh T là người trực tiếp tham gia bào chữa trong vụ án nên theo yêu cầu của bị cáo Lương Anh Tiến, từ tháng 2/2011 đến ngày 20/9/2012, gia đình bà Lê Thị T1 đã chuyển cho bị cáo Lương Anh Tiến, tổng cộng 1.810.000.000 đồng để thực hiện những việc như bị cáo đã hứa. Quá trình chuyển tiền, được thể hiện thông qua lời khai của người bị hại, người làm chứng và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị T1 (người bị hại), khai nhận: “sau khi gia đình tôi đã đưa cho luật sư T 100 triệu đồng, luật sư T tiếp tục yêu cầu trả công bào chữa thêm 40 nghìn USD, sau đó lại đòi đưa thêm 3 tỷ đồng, trong đó thỏa thuận 3 tỷ đồng và 40 nghìn USD phải trả lại nếu không bào chữa được hủy bỏ tội danh lừa đảo bị oan và giảm nhẹ tội làm giả. Do luật sư T không thực hiện được lời hứa còn bị đặt chồng tôi bị oan tội lừa đảo để nhận thêm 1.810.000.000 đồng ngoài 100 triệu đồng gia đình tôi đưa cho T trước đó. Sau khi không thực hiện được hứa hẹn bào chữa lại phủ nhận không nhận thêm của chúng tôi 1.810.000.000 đồng mà trốn tránh không trả lại nên gia đình chúng tôi mới tố cáo luật sư T lừa đảo chiếm đoạt tài sản”... (Bút lục 1096, 1097, 1098, 1099).

- Ông Trần Ngọc T (con rể của bà Lê Thị T1), khai nhận: “Khoảng tháng 3/2012, luật sư T yêu cầu tôi và mẹ vợ tôi đưa tiền.. mẹ vợ tôi hỏi vay bà Nguyễn Thị H ... do mẹ tôi bệnh nên đã nhận 30 triệu đồng tiền mặt để chữa bệnh.. còn 570.000.000 đồng mẹ tôi và con gái bà H là chị T2 đã chuyển vào tài khoản ông Tiến; ngày 17/4/2012 bà H cho gia đình tôi mượn 01 tỷ đồng, bà H kêu Anh S lái xe chở tôi và bà H đi gặp luật sư T tại quán cà phê đường Trần Hưng Đạo Quận 5 đưa cho luật sư T và nói bên trong có 01 tỷ đồng; .. gia đình tôi đã đưa cho Luật sư Lương Anh T tổng cộng 1.910.000.000 đồng, từng lần giao tiền tôi đã khai trước cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án... Luật sư T cho gia đình tôi biết cha vợ tôi bị oan về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, luật sư T hứa bào chữa cho cha vợ tôi được bỏ tội lừa đảo...vì đây là số tiền lớn.. luật sư không làm được theo thỏa thuận mà còn phủ nhận việc nhận thêm tiền của gia đình tôi là 1.810.000.000 đồng không trả lại mà chiếm đoạt luôn nên gia đình tôi mới tố cáo luật sư T chiếm đoạt số tiền này”. (Bút lục 1084, 1085, 1086, 1087)

- Bà Nguyễn Thị H, khai nhận: “Ngày 08/3/2012 bà Lê Thị T1 và ông Trần Ngọc T có mượn của tôi 600.000.000 đồng, nhưng hai bên thỏa thuận chuyển khoản vào tài khoản của luật sư T 570.000.000 đồng, còn 30 triệu đồng tiền mặt bà T1

dùng để chữa bệnh, số tiền chuyển vào tài khoản của luật sư T bà T1 trao đổi cho tôi biết là để trả tiền cho luật sư T về việc bào chữa cho chồng bà T1 ... Ngày 17/4/2012 tôi có cho gia đình bà T1 mượn 1 tỷ đồng và đi đến quán cà phê Cát Đằng đường Trần Hưng Đạo, Quận 5 để đưa cho luật sư Tiến...” (Bút lục 1089,1090,1091,1092).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết O , khai nhận: “gia đình tôi đã đưa thêm cho luật sư T 1.810.000.000 đồng nhưng khi phiên tòa xét xử chúng tôi biết rằng luật sư T đã bịa đặt nói dối cha tôi bị oan tội lừa đảo nhằm hứa hẹn bào chữa để lấy tiền. Sau đó luật sư T trốn tránh gia đình tôi và không thừa nhận đã nhận 1.810.000.000 đồng của gia đình tôi và không trả nên gia đình tôi mới tố cáo, số tiền đó gia đình tôi mượn của bà Nguyễn Thị H....”(Bút lục 1100,1101).

- Ông Trần Chí S , khai nhận: “trong thời gian lái xe thuê cho bà H, có lần khoảng tháng 4/2012 vào khoảng buổi chiều theo yêu cầu của bà H tôi chở bà H bằng xe ô tô cùng với anh T và bà T3 (bạn bà H đi nhờ) từ nhà bà H đến quán cà phê Cát Đằng trên đường Trần Hưng Đạo, Quận 5 gặp luật sư Lương Anh T để đưa tiền cho luật sư Tiến, người trực tiếp đưa tiền là anh T...” (Bút lục 1081, 1082)

- Bà Phạm Thị Ngọc T2, khai nhận: “có dùng tài khoản ngân hàng của mình để chuyển 570.000.000 đồng vào tài khoản của luật sư Lương Anh T theo yêu cầu của mẹ là bà Nguyễn Thị H, bà T1 là người đưa số tài khoản của ông Lương Anh T cho tôi....”(Bút lục 1132,1133).

- Bà Trần Nguyễn Kim T3 , khai nhận: “ tôi đến nhà chị H chơi, tôi thấy T đang ở đó. Một lát sau, thấy chị H kêu ông S lái xe đưa chị H và T đi, nghe nói đến quán cà phê Cát Đằng trên đường Trần Hưng Đạo, Quận 5 nên tôi quá giang. Trên xe tôi thấy T nghe một cuộc điện thoại ... nói giờ chỉ gom được 01 tỷ đồng có gì sẽ đưa thêm sau... khi vào quán cà phê tôi thấy luật sư Lương Anh T đang ngồi chờ sẵn ở quán....”(Bút lục 1134,1135,1136.)

- Bà Võ Thị M, khai nhận: “ tôi được biết, ngoài số tiền 100 triệu đồng mà gia đình bà Lê Thị T1 trả chi phí bào chữa cho ông Lương Anh T thì bà Lê Thị T1 còn đưa cho ông Lương Anh T tổng số tiền 1.810.000.000 đồng để bào chữa nhẹ tội, không bị tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sẽ được tại ngoại. Sở dĩ tôi biết là vì chị tôi có kể cho tôi nghe việc cho bà T1 mượn tiền để đưa cho ông Tiến, có 01 lần tôi là người trực tiếp cầm số tiền 200.000.000 đồng vào tháng 03/2011, tôi đưa tại căn tin Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa cho chị tôi để chị tôi đưa cho bà T1 mượn, tôi trực tiếp thấy ông Trần Ngọc T trực tiếp giao số tiền 200 triệu đồng cho ông Lương Anh Tiến” (Bút lục 860,861)

Như vậy, căn cứ vào lời khai của người bị hại bà Lê Thị T1 , lời khai của những người làm chứng, người liên quan như ông Trần Ngọc T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Tuyết O , ông Trần Chí S , bà Phạm Thị Ngọc T2, Bà Trần Nguyễn Kim T3 , Bà Võ Thị M là phù hợp với các chứng cứ khác như giấy chuyển tiền, giấy vay tiền đã có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Lê Thị T1 , bị cáo Lương Anh T đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật như hứa hẹn bào chữa bỏ tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản cho ông Nguyễn Minh Tuấn (chồng bị hại) xin tại ngoại để nhiều lần nhận 1.810.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền đó của người bị hại. Với hành vi đó, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Lương Anh T đã

phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, chiếm đoạt số tiền rất lớn với tổng số tiền 1.810.000.000 đồng. Bị cáo là người có trình độ học vấn, là người am hiểu về pháp luật nhưng lợi dụng lòng tin của bị hại, đưa ra những thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đồng thời, trong vụ án này, trên cơ sở lời khai của người bị hại và những người liên quan, người làm chứng có đủ cơ sở xác định bị cáo đã 04 lần thực hiện việc chiếm đoạt tiền của bị hại với tổng số tiền 1.810.000.000 đồng, do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, khi lượng hình cần xem xét áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, sau khi điều tra bổ sung lại vụ án, bị cáo đã bỏ trốn, không chấp hành các quyết định của cơ quan T hành tố tụng gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, thể hiện thái độ coi thường pháp luật nhà nước nên cần phải xem xét xử lý nghiêm khắc trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo hiện đang bị bệnh nặng, tỷ lệ tổn hại sức khỏe do bệnh tật là 91%, theo Kết luận pháp y số 36/SK.15 của Trung tâm Pháp y thuộc Sơ Y tế Thành phố Hồ Chí Minh nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà đáng lẽ ra bị cáo phải chịu.

Xét lập luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: các tình tiết giảm nhẹ mà luật sư trình bày đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về phần dân sự:

Hội đồng xét xử xét thấy: phía gia đình bị hại là Bà Lê Thị T1 đã giao cho bị cáo Lương Anh T số tiền 1.810.000.000 đồng (thông qua ông Trần Ngọc T, bà Phạm Thị Ngọc T2) với mục đích lo cho ông Nguyễn Minh Tuấn (chồng của bà Lê Thị T1) được tại ngoại và tuyên trắng án. Đây là giao dịch bất hợp pháp, dùng vào mục đích, động cơ tiêu cực nên không thể trả lại cho bà Lê Thị T1 mà cần buộc bị cáo Lương Anh T nộp lại số tiền 1.810.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Về phần án phí:

Bị cáo phải chịu trách nhiệm nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015; Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Lương Anh T 14 (Mười bốn) năm tù** về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 03/01/2013 đến ngày 29/9/2015).

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015:

Buộc bị cáo Lương Anh T nộp lại số tiền 1.810.000.000 đồng (Một tỷ T1 trăm mười triệu) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án. Riêng bị cáo và đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; (3)
- Bị hại; (1)
- Thi hành án Hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- Luật sư; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (24) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Anh Kiệt